

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2022

“Về tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

2- Ông Trịnh Thế Phương Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-10-2022, nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H trình bày: Ông H và bà Trần Thị Y tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1995 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận ĐKKH số 28/2005. Sau khi cưới ông H và bà Y sống chung gia đình bà Y đến năm 2006 thì vợ chồng về ấp 2, xã L, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay, trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bà Y tự ý dẫn con về nhà cha mẹ ruột của bà Y ở và vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông H xin ly hôn với bà Y. Về con chung: Ông H và bà Y có 04 con chung tên Nguyễn Thúc A, sinh ngày 10/02/1997; Nguyễn Thúc H, sinh ngày 28/5/2001; Nguyễn

Thúy D, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Thành Ng, sinh ngày 01/10/2007, hiện các con chung Nguyễn Thúy A và Nguyễn Thúy H đã trưởng thành; hai con Nguyễn Thúy D và Nguyễn Thành Ng đang ở với bà Y, khi ly hôn ông H đồng ý giao hai con chung Nguyễn Thúy D và Nguyễn Thành Ng cho bà Y nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con do bà Y không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Trần Thị Y đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Minh H xin ly hôn với bà Trần Thị Y vì vậy xác định tranh chấp giữa ông H và bà Y là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Ông H có đơn xin vắng mặt, bị đơn là bà Y đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của ông H và tài liệu đã thu thập xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Y được xác lập vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới ông H và bà Y sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của ông H, Tòa án đã thông báo cho bà Y biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho ông H và bà Y giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng bà Y không tham gia. Ông H kiên quyết xin ly hôn với bà Y điều đó cho thấy hôn nhân giữa ông H và bà Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ông bà không có khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H.

[3] Về con chung: Ông H và bà Y có 04 con chung tên Nguyễn Thúy A, sinh ngày 10/02/1997; Nguyễn Thúy H, sinh ngày 28/5/2001; Nguyễn Thúy D, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Thành Ng, sinh ngày 01/10/2007. Hiện các con chung Nguyễn Thúy A và Nguyễn Thúy H đã trưởng thành; con chung Nguyễn Thúy D và Nguyễn Thành Ng đang ở với bà Y, khi ly hôn ông H đồng ý giao hai con chung Nguyễn Thúy D và Nguyễn Thành Ng cho bà Y nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con do bà Y không có yêu cầu. Xét thấy hiện con chung đang ở với bà Y, nên giao con cho bà Y nuôi dưỡng để ổn định tâm lý các con chung là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông H là nguyên đơn nên ông H phải chịu tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng và đã nộp, chi xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông H phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H đối với bà Trần Thị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Trần Thị Y.

Về nuôi con chung: Hai con chung tên Nguyễn Thúy A, sinh ngày 10/02/1997 và Nguyễn Thúy H, sinh ngày 28/5/2001 đã trưởng thành. Giao bà Y trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Thành Ng, sinh ngày 01/10/2007, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông H có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông H phải chịu tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng và đã nộp, chi xong.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002698 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Minh H đã nộp đủ án phí, bà Trần Thị Y không phải chịu án phí.

4- Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H, bị đơn bà Trần Thị Y vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

5- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lưu Thủy